



TỪ CAM KẾT KHÍ HẬU ĐẾN HÀNH ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT: Kế hoạch cho giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050

TS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG, Phó Cục trưởng
Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. BỐI CẢNH, YÊU CẦU, MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Biến đổi khí hậu (BĐKH) đang trở thành thách thức toàn cầu mang tính hệ thống, tác động trực tiếp và sâu rộng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là lĩnh vực trồng trọt - vừa chịu tác động mạnh của khí hậu, vừa là một trong những nguồn phát thải khí nhà kính (KNK) đáng kể. Theo các kiểm kê quốc gia, phát thải từ trồng trọt chủ yếu là khí mê-tan (CH_4) trong canh tác lúa nước và khí nitơ oxit (N_2O) do sử dụng phân bón hóa học, cùng với suy giảm khả năng hấp thụ, lưu trữ các-bon của đất nông nghiệp.

Trong bối cảnh Việt Nam đưa ra cam kết mạnh mẽ tại COP26 về đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, đồng thời triển khai Chiến lược Tăng trưởng xanh, Chiến lược Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, yêu cầu đặt ra đối với lĩnh vực trồng trọt không chỉ là duy trì tăng trưởng và bảo đảm an ninh lương thực, mà còn phải chuyển đổi phương thức sản xuất theo hướng phát thải thấp (PTT), thích ứng với BĐKH và có khả năng tham gia vào thị trường các-bon. Trên cơ sở đó, Đề án “Sản xuất giảm phát thải (GPT) lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050” đã được phê duyệt và tiếp theo là Kế hoạch hành động (KHHĐ) của Bộ NN&MT nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án thành các chương trình, hoạt động có lộ trình, được phân công trách nhiệm và có cơ chế triển khai rõ ràng.

KHHĐ không chỉ mang ý nghĩa điều hành nội bộ trong ngành, mà còn là khung hành động chiến lược để huy động sự tham gia của địa phương, doanh nghiệp (DN), hợp tác xã (HTX) cũng như đối tác quốc tế trong tiến trình chuyển đổi xanh (CĐX) của nông nghiệp Việt Nam. KHHĐ hướng tới tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Đề án sản xuất GPT, cụ thể: GPT KNK trong trồng trọt phù hợp với mục tiêu Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC); Nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm chi phí đầu vào, tăng giá trị gia tăng và thu nhập cho người sản xuất; Hình thành các vùng sản xuất trồng trọt PTT quy mô lớn, có khả năng chứng nhận, phát triển tín chỉ các-bon; Tạo nền

tảng kỹ thuật, dữ liệu và thể chế để lĩnh vực trồng trọt Việt Nam hội nhập sâu vào các chuỗi giá trị xanh toàn cầu.

KHHĐ được xây dựng, tổ chức thực hiện theo nguyên tắc xuyên suốt: Cụ thể hóa định hướng chiến lược của Đề án thành các nhiệm vụ khả thi, có tiến độ và sản phẩm rõ ràng; Phân công rõ trách nhiệm, gắn vai trò điều phối Trung ương với tính chủ động của địa phương; Lồng ghép đa mục tiêu, kết hợp GPT với tái cơ cấu ngành, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển kinh tế tuần hoàn; Huy động đa dạng nguồn lực, từ ngân sách nhà nước, ODA, hợp tác công - tư (PPP) đến nguồn lực xã hội hóa; Bảo đảm tính khoa học, minh bạch, đặc biệt là thông qua xây dựng, vận hành hệ thống đo lường - báo cáo - thẩm định (MRV).

2. CÁC NHÓM NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách cho trồng trọt GPT

Một trong những trụ cột quan trọng của KHHĐ là hoàn thiện khung chính sách và thể chế để tạo điều kiện cho sản xuất trồng trọt PTT, hướng tới phát triển bền vững, với nhiệm vụ trọng tâm như: Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai Đề án; Ban hành các văn bản hướng dẫn kỹ thuật, biểu mẫu báo cáo, tiêu chí đánh giá canh tác trồng trọt GPT; Rà soát, đề xuất chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với mô hình sản xuất PTT; Hoàn thiện hướng dẫn MRV chuyên biệt cho lĩnh vực trồng trọt, bảo đảm tương thích với hướng dẫn của IPCC và tiêu chuẩn quốc tế.

Việc chuẩn hóa bộ tiêu chí canh tác PTT có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ phục vụ công tác quản lý nhà nước mà còn là nền tảng để chứng nhận sản phẩm, xây dựng nhãn hiệu, kết nối thị trường.

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng gắn với GPT và thích ứng khí hậu

KHHĐ xác định chuyển đổi cơ cấu cây trồng là giải pháp mang tính chiến lược, vừa GPT, vừa góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất và thích ứng với BĐKH. Trong đó các định hướng chính gồm: Phát triển cây trồng lâu năm có khả năng hấp thụ, lưu trữ các-bon; Chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng cạn hoặc mô hình lúa - thủy sản; Phát triển các hệ thống canh tác nông - lâm kết hợp, luân canh - xen canh nhằm tăng độ che phủ đất, giảm xói mòn và phát thải N_2O .



Canh tác lúa theo lối truyền thống, dựa vào thiên nhiên (giảm tối đa giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật), một hình thức canh tác giảm phát thải tại thôn Sáng Nhù, xã Mù Căng Chải, tỉnh Yên Bái

Các địa phương được khuyến khích chủ động xây dựng phương án chuyển đổi phù hợp với điều kiện sinh thái, thị trường, tập quán canh tác, trên cơ sở khung định hướng của Đề án.

Phát triển và chuẩn hóa các gói kỹ thuật canh tác GPT

Các gói kỹ thuật canh tác GPT được xác định là trụ cột kỹ thuật của toàn bộ quá trình chuyển đổi sản xuất trồng trọt theo hướng PTT trong KHHĐ. Kế hoạch đã thiết kế nhiệm vụ theo chuỗi logic tương đối đầy đủ, từ đánh giá hiện trạng phát thải theo cây trồng, vùng sinh thái; Nghiên cứu - hoàn thiện gói kỹ thuật đến phổ biến, xây dựng mô hình và mở rộng áp dụng trên diện rộng thông qua hệ thống khuyến nông. Cách tiếp cận này phù hợp với yêu cầu GPT có thể đo lường, kiểm chứng và nhân rộng. Trong giai đoạn tới, việc chuẩn hóa gói kỹ thuật theo hướng vừa dễ áp dụng, vừa gắn với dữ liệu phát thải, hiệu quả kinh tế sẽ quyết định khả năng lan tỏa của mô hình canh tác GPT, qua đó bảo đảm tính bền vững, thực chất của quá trình CĐX trong lĩnh vực trồng trọt.

Hàm lượng kỹ thuật là điểm nhấn xuyên suốt của KHHĐ, do đó, các nhiệm vụ kỹ thuật tập trung vào: Đánh giá hiện trạng phát thải KNK đối với những cây trồng chủ lực theo vùng sinh thái; Nghiên cứu, hoàn thiện, chuẩn hóa các gói kỹ thuật canh tác GPT (tưới khô - ướt xen kẽ, quản lý phân bón thông minh, sử dụng phân hữu cơ và than sinh học, tuần hoàn phụ phẩm...); Xây dựng mô hình trình diễn, tập huấn và nhân rộng thông qua hệ thống khuyến nông. Đặc biệt, đối với cây lúa - nguồn phát thải CH_4 lớn nhất trong trồng trọt, KHHĐ nhấn mạnh việc mở rộng áp dụng biện pháp tưới khô - ướt xen kẽ, xử lý rơm rạ không

vùi, kết hợp nâng cao chất lượng giống và quy trình canh tác tổng hợp.

Xây dựng mô hình sản xuất quy mô vùng và theo chuỗi giá trị

Một điểm mới quan trọng của KHHĐ là chuyển từ mô hình điểm sang mô hình quy mô vùng và chuỗi giá trị, có khả năng chứng nhận tín chỉ các-bon; Kết nối DN tiêu thụ; Tạo động lực kinh tế để duy trì, mở rộng canh tác PTT. Các mô hình dự kiến được triển khai rộng khắp mọi vùng sinh thái, từ miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Hồng, duyên hải miền Trung đến Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long, với sự đa dạng về cây trồng (lúa, chè, cà phê, cây ăn quả, rau màu, sắn...).

Phụ lục 2 của KHHĐ đã định hướng cụ thể những mô hình sản xuất trồng trọt GPT theo cây trồng và vùng sinh thái trên phạm vi cả nước. Theo đó, mô hình lúa PTT được ưu tiên tại đồng bằng sông Hồng, duyên hải miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long; mô hình lúa kết hợp lúa - cá, lúa - tôm áp dụng ở vùng trũng, ven biển. Khu vực trung du, miền núi và Tây Nguyên tập trung mô hình chè, cà phê, hồ tiêu, sắn, ngô bền vững và nông - lâm kết hợp, trong khi vùng cây ăn quả, rau màu, cây công nghiệp lâu năm được định hướng áp dụng giải pháp tưới tiết kiệm, sử dụng phân hữu cơ và tuần hoàn phụ phẩm nhằm GPT, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Thiết lập, vận hành hệ thống MRV và cơ sở dữ liệu phát thải

Thiết lập, vận hành hệ thống đo lường - báo cáo - thẩm định (MRV) và cơ sở dữ liệu phát thải được xác định là nền tảng kỹ thuật - quản trị then chốt của KHHĐ, bảo đảm tính minh bạch, khả năng kiểm chứng, hội nhập quốc tế của các kết quả GPT trong



trồng trọt. Kế hoạch đã định hướng đúng khi gắn MRV với kiểm kê KNK quốc gia, đồng thời hướng tới phục vụ phát triển tín chỉ các-bon và tham gia thị trường các-bon trong nước cũng như quốc tế. Việc phân công rõ trách nhiệm xây dựng quy trình MRV theo nhóm cây trồng, phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia, thúc đẩy số hóa thu thập dữ liệu là những điểm mạnh đáng ghi nhận.

Tuy nhiên, triển khai MRV trong trồng trọt cũng đối mặt với nhiều thách thức do quy mô sản xuất nhỏ lẻ, đa dạng sinh thái và chi phí thu thập dữ liệu cao. Nếu không được thiết kế gắn chặt với các gói kỹ thuật canh tác, tổ chức sản xuất theo vùng, hệ thống MRV có nguy cơ phân tán, khó sử dụng cho chứng nhận và thị trường. Vì vậy, cách tiếp cận đơn giản, khả thi, từng bước nâng cấp gắn với chuyển đổi số sẽ quyết định hiệu quả thực chất của nhiệm vụ này.

Những nội dung liên quan đến nhóm nhiệm vụ bao gồm: Xây dựng quy trình MRV chuyên biệt cho từng nhóm cây trồng; Thiết lập cơ sở dữ liệu quốc gia về phát thải KNK trong trồng trọt, kết nối với hệ thống kiểm kê quốc gia; Phát triển các công cụ số hóa thu thập dữ liệu thực địa (ứng dụng di động, nền tảng web). Việc vận hành hiệu quả hệ thống MRV không chỉ phục vụ quản lý trong nước mà còn là điều kiện tiên quyết để tham gia thị trường các-bon trong nước và quốc tế.

Nâng cao năng lực, truyền thông và chuyển đổi nhận thức

Nâng cao năng lực, truyền thông, chuyển đổi nhận thức được xác định là trụ cột xuyên suốt và động lực then chốt của quá trình chuyển đổi sản xuất trồng trọt theo hướng xanh, PTT. Trong bối cảnh các giải pháp kỹ thuật, cơ chế chính sách chỉ có thể phát huy hiệu quả khi được tiếp nhận, thực hành đúng ở cấp cơ sở, việc thay đổi nhận thức, nâng cao năng lực của đội ngũ quản lý, cán bộ kỹ thuật, khuyến nông, DN, người sản xuất giữ vai trò quyết định đối với tính bền vững của Đề án. Thông qua chương trình đào tạo chuyên sâu, chuẩn hóa tài liệu kỹ thuật, đa dạng hóa hình thức truyền thông và lồng ghép nội dung GPT vào hệ thống đào tạo, khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, trụ cột này không chỉ thúc đẩy áp dụng rộng rãi mô hình canh tác PTT mà còn từng bước hình thành tư duy sản xuất xanh, tiêu dùng xanh, văn hóa phát triển nông nghiệp bền vững trong toàn xã hội.

KHHĐ dành một nhóm nhiệm vụ riêng cho công tác truyền thông - đào tạo - nâng cao nhận thức, hướng tới: Cán bộ quản lý các cấp; Lực lượng khuyến nông; Nông dân nông cốt, HTX và DN. Do vậy, việc chuẩn hóa tài liệu kỹ thuật, đa dạng hóa hình thức truyền thông (báo chí, truyền hình, mạng xã hội, hội chợ...)

sẽ tạo được tính lan tỏa cao, qua đó hình thành nhận thức xã hội về giá trị của sản xuất trồng trọt PTT và tiêu dùng xanh.

Kết nối thị trường và phát triển sản phẩm PTT

GPT chỉ thực sự bền vững khi được thị trường ghi nhận và trả giá trị tương xứng, do đó, KHHĐ xác định rõ: Phát triển vùng nguyên liệu PTT gắn với DN tiêu thụ; Xây dựng hệ thống chứng nhận, truy xuất nguồn gốc và nhãn hiệu sản phẩm PTT; Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, kết nối thị trường xuất khẩu có yêu cầu cao về môi trường.

Đặc biệt, để thực hiện hiệu quả mục tiêu đề ra, KHHĐ đã phân công rõ vai trò của từng đơn vị thuộc Bộ, các địa phương, chủ thể liên quan. Trong đó cơ quan chuyên môn Trung ương giữ vai trò điều phối, xây dựng chính sách, hướng dẫn kỹ thuật và giám sát; Địa phương là chủ thể tổ chức triển khai, lồng ghép nguồn lực, đồng thời chịu trách nhiệm kết quả; DN, HTX, đối tác quốc tế là lực lượng đồng hành trong đầu tư, chuyển giao công nghệ, chứng nhận, tiêu thụ sản phẩm. Nguồn lực thực hiện được huy động từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA, hỗ trợ kỹ thuật quốc tế, PPP và xã hội hóa.

KẾT LUẬN

KHHĐ triển khai Đề án sản xuất GPT lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050 là bước đi mang tính bản lề, chuyển định hướng chiến lược thành chương trình hành động cụ thể, có khả năng đo lường, giám sát và đánh giá. Kế hoạch đã xác lập rõ trụ cột then chốt quyết định thành công của quá trình CĐX, trong đó, phát triển và chuẩn hóa các gói kỹ thuật canh tác GPT là nền tảng trực tiếp đưa mục tiêu GPT vào thực hành sản xuất; Hệ thống đo đạc - báo cáo - thẩm định (MRV) giữ vai trò bảo đảm tính minh bạch, khả năng kiểm chứng và hội nhập với thị trường các-bon; Truyền thông, nâng cao nhận thức và phát triển thương hiệu nông sản "PTT" là động lực thúc đẩy sự tham gia tự nguyện, bền vững của nhà sản xuất, DN, người tiêu dùng.

Từ cách tiếp cận tổng thể, dựa trên nền tảng khoa học - kỹ thuật, gắn với thị trường và hội nhập quốc tế, KHHĐ không chỉ góp phần thực hiện cam kết khí hậu của Việt Nam, mà còn mở ra hướng phát triển mới cho lĩnh vực trồng trọt: Xanh hơn, hiệu quả hơn, có giá trị gia tăng cao hơn trong dài hạn. Vì vậy, việc triển khai thống nhất, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, cùng sự vào cuộc tích cực của đối tác quốc tế, khu vực công - tư và khối nghiên cứu sẽ là yếu tố mang tính quyết định góp phần chuyển hóa định hướng chính sách thành kết quả GPT thực chất, qua đó nâng cao giá trị, vị thế của nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh phát triển bền vững và hội nhập sâu rộng■